

Số: 04 /2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

THÔNG TƯ

**Quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư
ứng dụng công nghệ thông tin**

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tin học hóa;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm: tổng mức đầu tư, dự toán, định mức chi phí, đơn giá ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là lập và quản lý chi phí).

2. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động lập và quản lý chi phí các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn khác áp dụng các quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc lập và quản lý chi phí

1. Bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
2. Tổng mức đầu tư, dự toán, định mức chi phí, đơn giá ứng dụng công nghệ thông tin phải được tính đúng phương pháp, đủ các khoản mục chi phí theo quy định.
3. Nhà nước thực hiện quản lý chi phí thông qua việc ban hành, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí.
4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về việc quản lý chi phí từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư đưa sản phẩm của dự án vào khai thác, sử dụng.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, DỰ TOÁN

Điều 4. Phương pháp xác định tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (gọi tắt là Nghị định 73/2019/NĐ-CP). Chi tiết các phương pháp xác định tổng mức đầu tư theo hướng dẫn tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Phương pháp xác định dự toán

1. Xác định chi phí xây lắp

Chi phí xây lắp được xác định bằng cách lập dự toán trên cơ sở định mức theo hướng dẫn tại mục 1 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Xác định chi phí thiết bị

a) Chi phí thiết bị

- Chi phí thiết bị được xác định trên cơ sở số lượng, chủng loại thiết bị cần mua sắm và giá thiết bị trên thị trường theo hướng dẫn tại mục 2.1 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ được xác định theo hướng dẫn tại mục 2.1 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm được xác định theo hướng dẫn tại mục 2.3 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu được xác định theo hướng dẫn tại mục 2.2 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có) được xác định theo hướng dẫn tại mục 2.4 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị (nếu có); thuê và các loại phí liên quan để mua sắm thiết bị nếu chưa được tính trong chi phí mua sắm thiết bị thì được xác định bằng cách lập dự toán;

e) Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có) được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại mục 2.5 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Xác định chi phí quản lý dự án

Chi phí quản lý dự án được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ hoặc bằng cách lập dự toán (trong trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án) phù hợp với thời gian thực hiện dự án, quy mô và đặc điểm công việc quản lý dự án theo hướng dẫn tại mục 3 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Xác định chi phí tư vấn đầu tư

a) Chi phí tư vấn đầu tư được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc bằng cách lập dự toán trên cơ sở phạm vi công việc tư vấn, khối lượng công việc phải thực hiện, kế hoạch thực hiện của gói thầu theo hướng dẫn tại mục 4 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp một số công việc tư vấn đầu tư đã được thực hiện trước khi xác định dự toán thì được xác định bằng giá trị hợp đồng dịch vụ tư vấn đã ký kết phù hợp với quy định của nhà nước.

5. Xác định chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí chưa được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc theo hướng dẫn của cơ quan

quản lý chuyên ngành hoặc bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại mục 5 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Xác định chi phí dự phòng

Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư và chi phí khác;

Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được tính trên cơ sở độ dài thời gian đầu tư (tính bằng tháng, quý, năm) của dự án.

Chi phí dự phòng được xác định theo hướng dẫn tại mục 6 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 2 **ĐỊNH MỨC CHI PHÍ, ĐƠN GIÁ** **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Điều 6. Hệ thống định mức chi phí ứng dụng công nghệ thông tin

1. Định mức chi phí ứng dụng công nghệ thông tin bao gồm: định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức chi phí theo tỷ lệ.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật là mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và máy thi công, được xác định phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, biện pháp triển khai, phạm vi thực hiện công việc cụ thể để hoàn thành một đơn vị khối lượng công việc.

3. Định mức chi phí theo tỷ lệ dùng để xác định chi phí của một số loại công việc trong dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin gồm chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư và một số chi phí khác.

Điều 7. Phương pháp lập định mức chi phí ứng dụng công nghệ thông tin

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được lập theo trình tự sau:

a) Lập danh mục công việc, thể hiện các yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, biện pháp triển khai, phạm vi thực hiện công việc và xác định đơn vị tính phù hợp;

b) Xác định thành phần công việc từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành công việc;

c) Xác định hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công;

d) Lập các định mức trên cơ sở tổng hợp các hao phí về vật liệu, nhân công và máy thi công.

2. Định mức chi phí theo tỷ lệ do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Điều 8. Quản lý định mức chi phí ứng dụng công nghệ thông tin

1. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức chi phí ứng dụng công nghệ thông tin để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Đối với các công việc đặc thù, chuyên ngành của ngành và địa phương, trên cơ sở phương pháp lập định mức theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này, các bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức, cá nhân để xác định, điều chỉnh, thẩm tra làm cơ sở ban hành định mức sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Thông tin và Truyền thông, đồng thời gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông để theo dõi, quản lý.

Định mức kinh tế - kỹ thuật được ban hành là cơ sở để lập đơn giá xác định tổng mức đầu tư, dự toán và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 9. Phương pháp lập đơn giá ứng dụng công nghệ thông tin

1. Đơn giá là cơ sở để xác định chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Chi tiết phương pháp lập đơn giá ứng dụng công nghệ thông tin được xác định trên cơ sở lựa chọn từ hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, các yếu tố chi phí có liên quan và thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và thay thế cho Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin được phê duyệt trước ngày Nghị định 73/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đang thực hiện thì thực hiện theo các quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại thời điểm phê duyệt.

Trường hợp cần thiết áp dụng theo các quy định tại Thông tư này thì người có thẩm quyền xem xét quyết định, bảo đảm không làm gián đoạn các công việc.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền, tổ chức hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Thông tư này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Tin học hóa) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đơn vị chuyên trách CNTT các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; Cổng TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, THH (250).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng